

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động Ban kiểm soát
Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thép -CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 03/12/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ dự thảo Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP sửa đổi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty) như sau:

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi gồm 7 Chương và 20 Điều, bổ sung 03 Chương và 8 Điều so với quy chế cũ. Nội dung sửa đổi, bổ sung chính:

- Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát;
- Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát, trưởng Ban kiểm soát;
- Bổ sung các Chương quy định về Báo cáo và công khai lợi ích, mối quan hệ của Ban kiểm soát;
- Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc hoạt động và chế độ họp của Ban kiểm soát.

(chi tiết các Điều, Khoản sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Tổng công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm tờ trình này)

Ban kiểm soát Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông VnSteel;
- HĐQT Tcty;
- Ban Kiểm soát Tcty;
- Lưu: VT, BKS.



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-VNS ngày tháng năm 2021
của Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối
với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm
2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng
khoán;*

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021

*Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công
ty Thép Việt Nam - CTCP*

*Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam. bao
gồm các nội dung sau:*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các thuật ngữ sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa như được quy định tại Điều 1, Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP. Trong trường hợp có sự khác nhau về nghĩa của các thuật ngữ trong Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP thì nghĩa của thuật ngữ được quy định tại Điều lệ sẽ được áp dụng.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Tổng công ty có năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn; nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Quyền đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát; cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; công bố thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Tốt nghiệp đại học được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty.

Điều 6. Trưởng ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động và phân công các thành viên của Ban kiểm soát;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;
- c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- d) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;
- e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt thì ủy quyền cho thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát, nếu Trưởng ban kiểm soát mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
- 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
- 5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các

hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; Tuyệt đối giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề về tài chính của Tổng công ty. Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các tài liệu, hồ sơ của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi cán bộ quản lý Tổng công ty và nhân viên của Tổng công ty làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 9. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

2. Giám sát là một biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời xử lý các vi phạm Điều lệ và Quy chế của Tổng công ty.

Có 2 hình thức giám sát:

a. Giám sát gián tiếp: Thông qua các tài liệu, báo cáo, các dự thảo do Tổng công ty gửi đến và thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau, Ban kiểm soát kiểm tra đối chiếu với các qui định của nhà nước, Điều lệ và Quy chế của Tổng công ty. Nếu phát hiện có sự sai lệch, vi phạm các qui định về quản lý tài chính của nhà nước, thua lỗ, Ban kiểm soát phải có ý kiến đề nghị Hội

đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty xem xét và có sự điều chỉnh cho phù hợp.

b. Giám sát trực tiếp: Theo sự phân công của Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát được trực tiếp làm việc với các Bộ phận nghiệp vụ của Tổng công ty; Đơn vị thành viên; Đơn vị trực thuộc; Đại diện vốn Tổng công ty tại các Công ty con; Công ty liên kết (sau đây gọi tắt là đơn vị) để giám sát tại chỗ việc chấp hành các qui định của nhà nước, Điều lệ và Quy chế của Tổng công ty; sau đó báo cáo Trưởng ban kiểm soát để Trưởng Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung hoặc thông báo cho Tổng Giám đốc Tổng công ty xem xét điều chỉnh hoạt động cho phù hợp và có hiệu quả.

3. Kiểm tra định kỳ: Cuối niên độ kế toán, sau khi Báo cáo tài chính của Tổng công ty đã được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán theo qui định của pháp luật, Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính trước khi báo cáo được chuyển trình Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Việc thẩm định được hiểu là việc xem xét tính hợp lý, hợp lệ của báo cáo theo các quy định pháp luật hiện hành.

4. Kiểm tra đột xuất: Đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp Tổng công ty khắc phục kịp thời, Trưởng ban kiểm soát quyết định thời điểm và nội dung kiểm tra, sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và thông báo cho Tổng giám đốc.

5. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông tin đầy đủ, kịp thời và thường xuyên trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị về các vấn đề có liên quan đến công tác giám sát, kiểm tra.

6. Đối với những vụ việc kiểm tra mang tính chất phức tạp, Ban kiểm soát có thể liên hệ với các tổ chức tư vấn độc lập để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

7. Trường hợp đối tượng kiểm tra chưa nhất trí với nội dung kết luận của Ban kiểm soát thì được ghi rõ ý kiến của mình trong biên bản kiểm tra để Trưởng ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty.

8. Các nội dung kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông có thể tham khảo ý kiến với Hội đồng quản trị Tổng Công ty và trước đó phải được đưa ra lấy ý kiến trong Ban kiểm soát và kết luận theo đa số. Mỗi thành viên Ban kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 11. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban

kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất.

4. Thông báo chương trình họp Ban kiểm soát:

Thông báo họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.

5. Cuộc họp Ban kiểm soát có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên trở lên tham dự. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát vắng mặt, không tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng mà không có lý do chính đáng thì thành viên đó sẽ bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát.

6. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên tham dự họp Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu thành viên Ban kiểm soát không tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác thực hiện quyền biểu quyết thay;

b) Thành viên Ban kiểm soát có các quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định, không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

c) Nếu có nghi ngờ nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới Chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

7. Ban kiểm soát có quyền thông qua các quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm soát, hoặc bằng hỏi ý kiến qua thư tín, qua fax.

8. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát bằng hỏi ý kiến:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát, Biên bản họp của Ban kiểm soát phải ghi đầy đủ vào sổ biên bản và được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký của mỗi thành viên Ban kiểm soát.

Điều 12. Quy trình kiểm soát

1. Chuẩn bị kiểm soát:

a. Lập kế hoạch kiểm soát:

Kế hoạch kiểm soát nêu rõ nội dung đối tượng kiểm soát, những tài liệu hồ sơ cần chuẩn bị, thành phần đoàn kiểm soát, địa điểm tiến hành kiểm soát và thời gian thực hiện kiểm soát.

b. Thành lập Đoàn kiểm soát:

Căn cứ vào chương trình, kế hoạch kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát quyết định kế hoạch công tác cụ thể hàng quý, thành lập Đoàn kiểm soát, cơ cấu thành phần tham gia Đoàn kiểm soát. Trưởng ban trực tiếp phụ trách Đoàn kiểm soát hoặc phân công cho một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng đoàn.

c. Thông báo kế hoạch kiểm soát:

Trưởng đoàn kiểm soát nghiên cứu xây dựng nội dung kế hoạch kiểm soát, trình Trưởng ban kiểm soát phê duyệt và gửi cho các đơn vị được tiến hành kiểm soát trước ba (03) ngày làm việc.

2. Thực hiện kiểm soát:

a. Căn cứ vào thông báo nội dung kế hoạch kiểm soát đã được Trưởng ban kiểm soát phê duyệt, Trưởng đoàn chịu trách nhiệm gửi thông báo kịp thời cho đơn vị, tổ chức, chỉ đạo và phân công công việc cho các thành viên trong đoàn thực hiện nhiệm vụ theo nội dung kế hoạch kiểm soát. Trưởng đoàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ được giao. Thành viên đoàn kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng đoàn và người quản lý trực tiếp về việc thực hiện công việc được giao.

b. Trước khi bắt đầu tiến hành đợt kiểm soát, đoàn kiểm soát phải làm việc với thủ trưởng đơn vị, người đại diện vốn chính Tổng công ty tại đơn vị hoặc người được uỷ quyền để thông báo kế hoạch kiểm soát, nội dung kiểm soát; trách nhiệm của đơn vị trong việc cung cấp tài liệu và việc phối hợp trong quá trình đoàn kiểm soát làm việc.

c. Đơn vị được tiến hành kiểm soát có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện để công tác kiểm soát đạt kết quả tốt, chuẩn bị đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại bản thông báo kiểm soát và cung cấp đủ, kịp thời các tài liệu cần bổ

sung theo yêu cầu của các thành viên Đoàn kiểm soát trong quá trình làm việc tại đơn vị.

3. Kết thúc kiểm soát:

a. Kết thúc đợt kiểm soát các thành viên trong đoàn phải báo cáo kết quả, đưa ra nhận xét, kiến nghị bằng văn bản, lập hồ sơ phần công việc được giao và bàn giao cho Trưởng đoàn.

b. Trưởng đoàn (hoặc người được Trưởng đoàn uỷ quyền) có trách nhiệm tổng hợp, dự thảo báo cáo tổng hợp kết quả kiểm soát theo các nội dung ghi trong thông báo kiểm soát.

c. Trước khi gửi thông báo kết quả kiểm soát cho đơn vị, Trưởng đoàn phải tổ chức họp đoàn để thảo luận dự thảo báo cáo kết quả kiểm soát, đảm bảo công khai dân chủ. Trưởng đoàn kết luận và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban kiểm soát. Trường hợp thành viên trong đoàn có ý kiến khác với kết luận của Trưởng đoàn thì thành viên đó có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo với Trưởng ban kiểm soát nhưng thành viên đó vẫn phải chấp hành ý kiến kết luận của Trưởng đoàn.

d. Trưởng đoàn có trách nhiệm gửi dự thảo kết quả kiểm soát cho đơn vị. Trường hợp đơn vị chưa nhất trí và có ý kiến giải trình với nội dung của dự thảo báo cáo, nếu thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung dự thảo báo cáo thì trưởng đoàn cần tổ chức lấy ý kiến của các thành viên trong đoàn về việc tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến giải trình của đơn vị. Căn cứ vào ý kiến của các thành viên trong đoàn về việc giải trình của đơn vị, trưởng đoàn rà soát, hiệu chỉnh, bổ sung bản dự thảo báo cáo kết quả kiểm soát.

e. Báo cáo kết quả kiểm soát phải trình Trưởng ban kiểm soát xem xét phê duyệt. Các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra bàn tập thể trong cuộc họp của Ban trước khi gửi Hội đồng quản trị.

f. Trong quá trình kiểm soát các thành viên phải hoàn thành nhiệm vụ được giao, kiên quyết với những hành vi sai phạm, thái độ làm việc đúng mực, giữ gìn đoàn kết nội bộ, không làm ảnh hưởng tới hoạt động của đơn vị.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 13. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 14. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 17. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 18. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19: Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có các quy định cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định có liên quan, phù hợp với yêu cầu đổi mới hoạt động của Ban kiểm soát thì các thành viên Ban kiểm soát có thể đề xuất các nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Trưởng Ban kiểm soát xem xét và quyết định.

Trong trường hợp các quy định tại Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP có liên quan đến Ban kiểm soát thay đổi thì các nội dung có liên quan được quy định trong Quy chế này sẽ phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với sự thay đổi trong Điều lệ.

Quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan trong Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành khi được đa số các thành viên Ban kiểm soát chấp thuận và Đại hội đồng đồng cổ đông thông qua. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm ký và công bố các nội dung của Quy chế được sửa đổi, bổ sung.

Điều 20: Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty bao gồm 7 Chương, 20 Điều và có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng trong Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng các Phòng, Ban Tổng công ty; Tổng giám đốc (giám đốc) các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc, đại diện vốn Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế này.

Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm ký và công bố Quy chế này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Tuấn Dũng